

Số: 20/2024/QĐST-HNGĐ

L, ngày 03 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị H T S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu T, xã S, huyện L, tỉnh H.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị S:* Ông Hoàng Quốc Việt - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo Hợp đồng thuộc trung tâm TGPLNN tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Đ C K, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu T, xã S, huyện L, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 1 Điều 156; khoản 2 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 của Luật thi hành án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Chị H T S, được quyền sử dụng các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 177, tờ bản đồ 58, diện tích 90,2 m<sup>2</sup> (toàn bộ là đất ở), được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 339717 ngày 31/12/2014, tên chủ sử dụng là ông Đ C K và bà H T S. Địa chỉ thửa đất: Khu T, xã S, huyện L, tỉnh H. Trị giá: 1.533.400 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

(Có chỉ giới đất và các phía tiếp giáp của nhà, đất như sơ đồ trích lục kèm theo).

+ Nhà xây cấp ba, hai tầng, dạng nhà ống diện tích 157,6 m<sup>2</sup> (Bếp + công trình phụ). Trị giá: 536.794.000đ (Năm trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng).

+ Các hạng mục gắn liền với nhà (Mái hiên bên trái nhà + mái hiên trước nhà + cửa xếp + 02 đốc tường xây + mái tôn + nền nhà lát gạch). Trị giá: 34.851.000 đ (Ba mươi tư triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng);

+ Các tài sản:

- 01 bộ bàn ghế gỗ, trị giá: 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng);

- 01 tủ kệ gỗ, trị giá 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng);

- 01 cây nước nóng lạnh Tôsiba, trị giá 1.800.000 đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng);

- 01 tủ lạnh Panasonic 322 L, trị giá 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng);

- 01 cây nước Karôphi, trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

- 02 giường gỗ tự nhiên (600.000đ/chiếc), trị giá 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng);

Tổng cộng: 2.121.845.000đ (Hai tỷ một trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Chị H T S có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về trị giá tài sản cho anh Đ C K số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán vào ngày 27/4/2024.

\*Anh Đ C K được quyền sử dụng các tài sản sau:

+ Thừa đất số 152, tờ bản đồ 25, diện tích 1.939,3 m<sup>2</sup> (Trong đó: đất ở 400 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm là 1.539,3 m<sup>2</sup>), được UBND huyện L, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 404750 ngày 31/12/2014. Tên chủ sử dụng là ông Đ C K và bà H T S. Địa chỉ thửa đất: Khu T, xã S, huyện L, tỉnh H. Trị giá là: 770.308.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu ba trăm linh tám nghìn đồng).

(Các phía tiếp giáp và chỉ giới của thửa đất như sơ đồ trích lục kèm theo).

+ Được sử dụng các tài sản trên thửa đất số 152, gồm: 322 cây Keo, trồng được ba năm (Trong đó: 48 cây Keo có đường kính từ 10 cm đến 15 cm x 20.100đ/cây = 964.800 đồng; 274 cây đường kính từ 05 cm đến 10 cm x 18.100đ/cây = 4.932.000 đồng). Tổng cộng là: 5.896.800đ (Năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Tổng trị giá là: 776.204.800đ (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng).

Và được nhận tiền thanh toán chênh lệch về giá trị của tài sản do chị H T S có nghĩa vụ thanh toán số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) vào ngày 27/4/2024.

Sau khi anh Đ C K nhận đủ số tiền do chị H T S thanh toán, thì anh Khoá có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 339717 do UBND huyện L, tỉnh H, cấp ngày 31/12/2014, thửa đất số 177, tờ bản đồ số 58, diện tích là: 90,2 m<sup>2</sup> (90,2 m<sup>2</sup> đất ở) và nhà trên thửa đất số 177 cho chị H T S quản lý và sử dụng.

Chị H T S và anh Đ C K có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ 58 và thửa đất số 152, tờ bản đồ 25 theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

*còn phải thi hành án chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác.*

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, đo đạc hiện trạng của 02 thửa đất là 16.920.000đ (Mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Hai bên tự nguyện thoả thuận chị H T S xin chịu toàn bộ, anh K không phải thanh toán tiền chênh lệch. Xác nhận chị S đã nộp đủ số tiền trên.

2. Về án phí: Chị H T S và anh Đ C K đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. Quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án và người phải thi hành án được quy định tại điều 7 và điều 7a của luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã S;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Thảo**